

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-10-2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn
2. Ông Dương Thanh Văn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang-Thư ký Toà án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2005/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2005 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Giáp Thị V-Văn phòng luật sư K, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt)

Bị đơn: Anh Đỗ Viết D, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 15/3/2005 và các lời khai tại Toà án, cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Viết D đăng ký kết hôn vào ngày 20/6/2000, tại UBND xã H. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình anh D. Vợ chồng sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân xuất phát từ mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng. Đến khoảng năm 2007, chị bỏ về sống cùng gia mình, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và cả

02 đều không muốn sống chung cùng nhau nên chị xin được ly hôn với anh Đỗ Viết D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Viết D1, sinh ngày 20/3/2002. Hiện con chung do anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị giữ nguyên tình trạng nuôi con chung như hiện nay.

Về tài sản công nợ: Tại phiên tòa hôm nay chị không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn là anh Đỗ Viết D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn từ năm 2000, sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ anh. Do mâu thuẫn giữa chị L và mẹ anh nên chị L đã bỏ về nhà từ năm 2007 đến nay. Quan điểm của anh là đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Viết D1, sinh ngày 20/3/2002, hiện do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay của ngân hàng chính sách huyện Việt Yên số tiền 4.000.000đ. Nay chị L và ngân hàng không đề nghị giải quyết anh cũng không có ý kiến gì.

Do bận công việc nên anh D không đến Tòa án để tham gia phiên tòa được và chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Ngoài ra anh không đề nghị Tòa án giải quyết bất kỳ vấn đề nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật; tuy nhiên cần rút kinh nghiệm trong việc giao văn bản tố tụng cho đương sự; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng nghĩa vụ có mặt theo giấy triệu tập của tòa án.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 7 Nghị định số 70- CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đỗ Viết D.

Về con chung: Giao cho anh D được nuôi dưỡng con chung là Đỗ Viết Diễn, sinh ngày 20/3/2002. Chị L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này. Không xem xét về cấp dưỡng nuôi con.

Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 50.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Việc khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên toà ngày hôm nay bị đơn là anh Đỗ Viết D vắng mặt nhưng có lời khai về tất cả các vấn đề cần giải quyết trong vụ án và cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung quan hệ có tranh chấp:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Mai, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Cả 02 bên đương sự đều thừa nhận về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và tình trạng ly thân từ năm 2007. Lời khai của các bên đương sự là phù hợp biên bản xác minh tại địa phương. Như vậy giữa chị L, anh D không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19, 21 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Viết D.

[2.2] Về con chung: Chị L đề nghị giao con chung cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của anh D và con chung. Cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày vợ chồng có tài sản chung và nợ chung nhưng yêu cầu này chưa được thụ lý. Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu về tài sản chung và nợ chung. Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/9/2019, bà Giám đốc ngân hàng chính sách xã hội huyện V trình bày: Năm 2002, chị L, anh D có vay số tiền 4.000.000đ. Đến ngày 09/8/2019, chị L đã thanh toán trả toàn bộ nợ gốc đã vay. Bà đề nghị không đưa ngân hàng chính sách vào tham gia tố tụng và cũng không có yêu cầu gì đối với chị L và anh D. Vấn đề tài sản chung và nợ chung không có ai yêu cầu giải quyết, chưa có yêu cầu độc lập và cũng chưa được thụ lý nên không đặt ra xem xét trong bản án. Nếu sau này có người yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác.

[4] Về án phí, quyền kháng cáo: Do vụ án được thụ lý vào năm 2005 nên chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 70- CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 56 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 7 Nghị định số 70- CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đỗ Viết D.

Về con chung: Giao cho anh Đỗ Viết D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Viết Diễn, sinh ngày 20/3/2002. Chị Nguyễn Thị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 50.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 50.000 đồng theo biên lai số AA/2012/001526 ngày 28/3/2005 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Hương Mai;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Thân Văn Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Văn Hiếu